

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2022
V/v: *không công nhận là vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Thanh

2/ Bà Trịnh Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1978, địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1967, địa chỉ cư trú: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 04/7/2022 nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày: bà với ông Nguyễn Văn L quen biết, tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì bà và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, trong cách giáo dục con cái dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm: 1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn Nguyễn Văn L trong suốt quá trình tố tụng được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành và chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, nhận thấy hôn nhân giữa bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn L không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, qua nghiên cứu hồ sơ thấy bà Đ và ông L đã ly thân nhau thời gian dài, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ, tuyên xử không công nhận bà Đ và ông L là vợ chồng; về con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung nguyên đơn yêu cầu được tự thỏa thuận, chưa yêu cầu phân chia nên chưa xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác; về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét; buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn L phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình, không có đăng ký kết hôn, không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L đây là tranh chấp về ly hôn (không công nhận là vợ chồng) quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện cư trú trên lãnh thổ huyện Châu Thành A nên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3] Xét về giải quyết nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn L được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, mặc dù có đủ điều kiện nhưng bà Đ và ông L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận bà Đ và ông L là vợ chồng.

[3.2] Xét về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị L sinh năm: 1999 đã trưởng thành, đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: bà Lê Thị Đ yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà Lê Thị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: chưa giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Đ đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0012014 ngày 04/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà Lê Thị Đ đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm